

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-3-2018

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Thọ Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Ông Bùi Quang Việt

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2016/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2016 về vụ việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 774/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông H, sinh năm: 1968

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan).

Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà L:

Ngày 10 tháng 12 năm 2015, bà và ông H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ đăng ký số 3045 quyển số 16 ngày 18 tháng 12 năm 2015. Sau khi kết hôn, ông bà sống chung khoảng 02 tháng tại Việt Nam. Trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ và quan điểm lối sống hàng ngày. Mâu thuẫn không được giải quyết nên ông H trở về Đài Loan sinh sống và làm việc. Từ khi ông H về Đài

Loan, bà đã nhiều lần liên lạc để giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H cố tình lẩn tránh. Từ tháng 03 năm 2016 đến nay bà không còn liên lạc được với ông H. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đã tự chấm dứt hôn nhân từ đó cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống riêng.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì ông H đang cư trú tại lãnh thổ Đài Loan.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, cho bà L được ly hôn với ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà L đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông H hiện đang sinh sống tại lãnh thổ Đài Loan. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà L tham gia phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 12/3/2018 nhưng bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 28/12/2017.

Đối với ông H, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông H tại địa chỉ: Đài Loan. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản số 3098/BTP-PLQT ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tư pháp Việt Nam thông báo về kết quả ủy thác tư pháp có nội dung “ Bộ Tư pháp nhận được văn bản số 1060064506 ngày 21/9/2017 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo

đề nghị của Quý Cơ quan tại Công văn số 50/TTTPDS-TA30 ngày 24/3/2017 đối với đương sự Huang, Chun–Hsien có địa chỉ tại Đài Loan theo đó cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác nêu trên vào ngày 08/8/2017 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự”.

Tại biên bản tra hỏi của cơ quan có thẩm quyền lãnh thổ Đài Loan đối với ông H về vấn đề ly hôn mà bà L yêu cầu thì ông H cũng đồng ý ly hôn.

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 12 năm 2015, vào Sổ đăng ký kết hôn số 3045 quyển số 16 ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà L trình bày, sau khi kết ông bà chỉ sống chung với nhau khoảng 03 tháng tại Việt Nam sau đó ông H trở về Đài Loan và không trở lại thăm bà. Trong khoảng thời gian sống chung thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ và quan điểm sống hàng ngày, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, hạnh phúc vợ chồng không có.

Về phía ông H, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho ông theo đúng thủ tục luật định và ông H cũng có lời khai tại cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan là đồng ý ly hôn với bà L vì xa cách và không còn tình cảm. Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống. Do đó bà L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông H là có căn cứ để chấp nhận để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng sau này.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

-Về án phí dân sự sơ thẩm bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà L.

Quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông H.

Con chung: Không có

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) được căn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí số 0031144 ngày 21/9/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho bà L theo Biên lai thu số 0033583 ngày 07/3/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà L nhận tổng đạt hợp lệ bản án. Đối với ông H thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên